

Số: 42/2022/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ
để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển
sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực
hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động
đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quay vòng
một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ
phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai
đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2022.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long

QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án (sau đây gọi chung là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc giao vốn, quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương II HÌNH THỨC, TỶ LỆ QUAY VÒNG; TRÌNH TỰ LUÂN CHUYỂN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN QUAY VÒNG; CÁCH THỨC XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP RỦI RO; QUY TRÌNH THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO VỐN

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ quay vòng

1. Hình thức quay vòng: Bằng tiền.

2. Tỷ lệ quay vòng

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ quay vòng là 5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho 01 dự án.

b) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn thôn thuộc xã khu vực II (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục

tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ quay vòng là 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho 01 dự án.

c) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ quay vòng là 40% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho 01 dự án.

d) Đối với dự án thực hiện trên nhiều địa bàn thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 có tỷ lệ quay vòng khác nhau:

- Trường hợp dự án thực hiện trên nhiều địa bàn, trong đó có thực hiện trên địa bàn xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ quay vòng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

- Trường hợp dự án thực hiện trên nhiều địa bàn, trong đó có thực hiện trên địa bàn thôn thuộc xã khu vực II (không thực hiện trên địa bàn xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn): Tỷ lệ quay vòng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

- Trường hợp dự án thực hiện trên nhiều địa bàn còn lại: Tỷ lệ quay vòng theo quy định tại điểm c khoản này.

Điều 4. Trình tự luân chuyển, quản lý và sử dụng vốn quay vòng

1. Trình tự luân chuyển

a) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất cộng đồng.

b) Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Quản lý và sử dụng vốn quay vòng

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện mở tài khoản tiền gửi để thu hồi nguồn vốn quay vòng hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất cộng đồng tại Kho bạc nhà nước.

b) Quản lý và sử dụng vốn quay vòng

- Hằng năm căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và số kinh phí thu hồi của các dự án (nguồn vốn quay vòng): Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện (hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc (hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách công tác dân tộc) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí thực hiện các dự án mới được phê duyệt trong năm.

Kinh phí thu hồi được ưu tiên phân bổ thực hiện các dự án mới được duyệt trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi dự án đã được thu hồi kinh phí quay vòng.

- Cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng có trách nhiệm lập báo cáo tình hình triển khai các dự án và kinh phí quay vòng gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện (hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc (hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách công tác dân tộc) và Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện (hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc (hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách công tác dân tộc) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện thu hồi và sử dụng kinh phí quay vòng gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sau khi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 kết thúc, toàn bộ số kinh phí thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Điều 5. Cách thức xử lý trong trường hợp rủi ro

Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc dự án triển khai không có hiệu quả dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, tùy tình hình thực tế tại địa phương, người có thẩm quyền phê duyệt dự án quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP xem xét, quyết định tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí hoặc hủy bỏ, không thu hồi kinh phí quay vòng theo thẩm quyền.

Điều 6. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát: Việc triển khai dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, năng lực cộng đồng thực hiện, việc tổ chức thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu của dự án và báo cáo kinh phí sau khi thu hồi, luân chuyển kinh phí theo quy định pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Chủ chương trình (Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực

hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng. Tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với chủ chương trình thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

b) Phối hợp với chủ chương trình và các cơ quan có liên quan giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng kinh phí.

b) Thông tin về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc để theo dõi, tổng hợp chung).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã thông tin về kết quả thực hiện Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố, Phòng Dân tộc hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách công tác dân tộc)

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.